TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2019
V/v yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Khánh Long

Ông Thái Trung Nghĩa

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Tú Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc *"Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đào Thị H**, sinh năm 1979; Địa chỉ: khóm ST, phường VP, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Tăng Ng**, sinh năm 1973; Địa chỉ: khóm VA, Phường X, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đào Thị H trình bày:

Vào năm 1999, tôi cùng ông Ng có tổ chức cưới nhau theo phong tục, nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ lúc cưới nhau thì tôi với ông Ng chung sống bên cha mẹ chồng tại ấp HH, xã LH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Cho đến cuối năm 2010 thì tôi bỏ ông Ng về sống bên cha mẹ ruột của tôi tại khóm ST, phường VP, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng cho đến nay, phần ông Ng thì về sống riêng tại khóm VA, Phường X, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian những năm tháng đầu tôi với ông Ng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì mất hạnh phúc, vì không hợp nhau nên giữa tôi với ông Ng phát sinh mâu

thuẫn, thường xuyên tranh chấp cãi vã nên tình cảm rạn nứt, dần dần càng phai nhạt, hai bên không thể khắc phục, hiện nay tôi và ông Ng không còn liên lạc qua lại.

Nay tôi nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm của tôi với ông Ng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, tôi yêu cầu Tòa án tuyên bố mối quan hệ giữa tôi với ông Ng không phải là vợ chồng.

Về con chung: Có một con chung tên Tăng Thị Mỹ H1 (nữ, sinh ngày 30/4/2000) đang ở với tôi, con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, tôi không trình bày gì thêm khác.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Tăng Ng trình bày:

Tôi thừa nhận về quan hệ hôn nhân thì giữa tôi với bà H có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời bà H trình bày. Nay tôi đồng ý với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà H. Về con chung đã trưởng thành, tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có. Ngoài ra, tôi không trình bày gì thêm khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Đào Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H với ông Tăng Ng, do ông bà chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Tăng Ng có địa chỉ tại khóm VA, Phường X, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã VC.

Về nội dung

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông Ng tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian những năm tháng đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vì không hợp nhau, thường xuyên tranh chấp cãi vã nên tình cảm không thể khắc phục, hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau. Bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ giữa bà H với ông Ng không phải là vợ chồng và ông Ng cũng đồng ý với yêu cầu của bà H. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà H và ông Ng không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa bà H với ông Ng.

[4] *Về con chung*: Có một con chung tên Tăng Thị Mỹ H1 (nữ, sinh ngày 30/4/2000) đang ở với bà H, con đã trưởng thành và ông bà không yêu cầu. Nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu. Nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đào Thị H với ông Tăng Ng;

2. *Về con chung*: Không xem xét giải quyết;

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết;

4. *Về án phí*: Bà Đào Thị H phải nộp là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007953 ngày 27-5-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND tỉnh ST;
- VKSND TX. VC;
- THADS TX. VC;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng